**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂY SƠN**
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 18-02-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Minh Trung
2. Bà Cao Thị Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLST-DS ngaøy 14/11/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 (có mặt).
Trú tại: Z Trần Quang D, thị trấn P, huyện T, Bình Định.
- **Bị đơn**: Vợ chồng ông Nguyễn M, sinh năm 1968; bà Trần Thị Mỹ S, sinh năm 1968 (có mặt).
Trú tại: Thôn A, xã X, huyện T, Bình Định.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện (về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:** Bà và vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S là bạn hàng làm ăn lâu nay. Từ năm 2017 đến năm 2019 vợ chồng M, bà S nhiều lần vay tiền bà với số tiền tổng cộng là: 1.350.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*), cụ thể:

- 29/10/2017 (ÂL) vay số tiền 60.000.000đ
- 12/8/2018 (ÂL) vay số tiền 280.000.000đ
- 25/01/2019 (ÂL) vay số tiền 250.000.000đ

- 22/3/2019 (ÂL) vay số tiền 100.000.000đ

- 12/7/2019 (ÂL) vay số tiền 660.000.000đ

Trong các lần vay tiền nói trên thì có lần bà S trực tiếp vay tiền, viết giấy xác nhận nợ; có là do ông M trực tiếp vay tiền, viết giấy xác nhận nợ; có lần thì do cả hai vợ chồng vay tiền đồng viết giấy nợ. Nhưng vợ chồng ông M, bà S đều xác nhận có vay của bà tổng cộng 1.350.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*). Khi vay thì hai bên có thỏa thuận trả lãi, không xác định thời hạn trả nợ, chỉ thỏa thuận là vay ngắn ngày sẽ hoàn trả. Nhưng sau đó ông M, bà S không trả cho bà bất kỳ khoản nào mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Nay bà yêu cầu Tòa buộc vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S thanh toán dứt điểm một lần số nợ 1.350.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*) và phải trả tiền lãi theo lãi suất 9%/năm tính từ ngày 22/10/2019 (là ngày khởi kiện) cho đến khi trả hết nợ.

**Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S trình bày:** Xác nhận vợ chồng ông, bà và bà H có mối liên hệ làm ăn từ trước đến nay. Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 vợ chồng ông, bà nhiều lần vay tiền của bà H với số tiền tổng cộng là 1.350.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*), các lần vay cụ thể:

- 29/10/2017 ông, bà vay số tiền 60.000.000đ;

- 12/8/2018 ông, bà vay số tiền 280.000.000đ;

- 25/01/2019 ông, bà vay số tiền 250.000.000đ;

- 22/3/2019 ông, bà Sinh vay số tiền 100.000.000đ;

- 12/7/2019 ông, bà vay số tiền 660.000.000đ.

Thời gian nói trên là tính theo âm lịch.

Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền do hoặc ông hoặc bà hoặc cả hai vợ chồng ký tên xác nhận tùy thuộc vào việc ai là người trực tiếp nhận tiền từ bà H, ông bà đều thừa nhận đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng vay, cũng không xác định thời hạn phải trả nợ. Vì điều kiện đầu tư làm ăn có khó khăn nên vợ chồng ông bà chưa trả được số tiền nợ trên cho bà H. Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông, bà thanh toán dứt điểm một lần số nợ 1.350.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 9%/năm tính từ ngày 22/10/2019 (là ngày khởi kiện) cho đến khi trả hết nợ thì ông bà chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 1.350.000.000đ theo phương thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*); còn về tiền lãi thì vợ chồng ông bà xin không trả vì vợ chồng ông bà đang rất khó khăn không có khả năng trả nợ.

***Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:***

*Việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm,Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng

các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015 và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- *Về nội dung vụ án đề nghị*: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của BLDS năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S phải có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần số tiền gốc là 1.350.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*) và phải trả tiền lãi tính lãi theo lãi suất 9%/năm tính từ ngày 22/10/2019 (là ngày khởi kiện) cho đến khi trả xong nợ; không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S xin trả nợ dần hàng tháng với mức 15.000.000đ/ tháng cho đến khi hết nợ và không đồng ý tính lãi vì không có căn cứ và bà Hợp không đồng ý.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S đều thống nhất: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S nhiều lần vay tiền bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là: 1.350.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*). Trong các lần vay tiền thì có lần do bà S, có lần do ông M hoặc có lần cả hai vợ chồng ông M, bà S viết giấy xác nhận nợ tùy thuộc vào ai là người trực tiếp vay tiền. Giấy vay tiền thể hiện là khoản vay không lãi suất, không xác định thời hạn trả nợ; hai bên thỏa thuận là vay ngắn ngày sẽ hoàn trả. Nhưng sau đó vợ chồng ông M, bà S không thanh toán khoản vay cho bà H mặc dù bà H nhiều lần đòi. Hiện vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S còn nợ bà H số tiền: 1.350.000.000đ *(Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*). Đây là những tình tiết mà các bên đương sự đều thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận. Căn cứ quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đây là giao dịch hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi.

[2] Việc vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S nợ tiền bà H, bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông M, bà S vẫn không thanh toán, tại phiên Tòa vợ chồng ông M, bà S chỉ chấp nhận trả khoản nợ gốc 1.350.000.000đ theo phương thức trả dần hàng tháng với mức 15.000.000đ/ tháng và xin không trả tiền lãi - là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật dân sự. Nên HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền: 1.350.000.000đ *(Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*) về khoản nợ vay từ năm 2017 - 2019 chưa thanh toán.

[3] Về tiền lãi: Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi, việc bà H yêu cầu vợ chồng ông M, bà S phải trả tiền lãi theo lãi suất 9%/năm kể từ ngày 22/10/2019 (là ngày khởi kiện) cho đến ngày xét xử vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự nghị nên chấp nhận.

Tiền lãi tính từ ngày 22/10/2019 đến ngày xét xử - ngày 18/02/2020 tổng cộng là 03 tháng và 27 ngày với lãi suất là 0,75%/tháng; 0,025%/ngày. Tổng tiền lãi là 1.350.000.000đ x 03 tháng x 0,75%/tháng + 1.350.000.000đ x 27 ngày x 0,025% = 39.487.500đ.

Do đó, cần buộc vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền lãi: 39.487.500đ; tổng số tiền vợ chồng ông M, bà S phải trả cho bà Hợp là 1.389.487.500 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày 19/02/2020 đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S còn phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền lãi trên số tiền gốc còn phải trả theo mức lãi suất 0,75%/tháng (09%/năm).

[4] Việc vợ chồng ông M, bà S chỉ đồng ý trả nợ theo phương thức trả dần với mức 15.000.000đ/tháng và không chấp nhận trả tiền lãi nhưng bà H không đồng ý và không phù hợp với quy định pháp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông M, bà S có đơn xin miễn giảm án phí nhưng không thuộc trường hợp được xét miễn giảm án phí sơ thẩm, do đó cần buộc vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S phải chịu án phí với số tiền là: 36.000.000 +3% x 589.487.500đ = 53.684.625 đồng *(Năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng)*.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 26.250.000đ *(Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai số 0006455 ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; Tuyên xử:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H với số tiền là 1.389.487.500 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) về khoản nợ vay từ năm 2017 - 2019 chưa thanh toán, trong đó: tiền gốc là 1.350.000.000đ và tiền lãi là 39.487.500đ.

Kể từ ngày 19/02/2020 đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S còn phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền lãi trên số tiền gốc còn phải trả theo mức lãi suất 0,75%/tháng (09%/năm).

- Bác yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S chỉ chấp nhận trả nợ dần hàng tháng và không trả tiền lãi vì bà H không đồng ý, không phù hợp với quy định của pháp luật.

**2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần Thị Mỹ S phải chịu án phí với số tiền là: 53.684.625 đồng *(Năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng)*.

+ Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 26.250.000đ *(Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai số 0006455 ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

3/ Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự H. Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Giang Nam**